

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HS-ST  
Ngày 06-3-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa;  
Ông Lê Hữu Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ho, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với:

**- Bị cáo Lê Văn T**, sinh năm 2001 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Lường Văn H1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thế H2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/9/2023 Lê Văn T đến quán I ở thôn A, xã H, huyện H chơi, tại đây T ngồi ở ghế của máy tính số 19 để xem người khác chơi game. T quan sát thấy anh Lường Văn H1 đang chơi game ở máy tính số 17 cách chỗ T ngồi 01 máy tính, T có qua xin H1 thuốc lá để hút, sau đó quay lại bàn số 19 ngồi.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, thấy anh **H1** đang ngủ trên ghế, điện thoại của anh **H1** để ở khoảng giữa màn hình máy tính và bàn phím, nên **T** đã nảy sinh ý định trộm cắp, **T** đi đến ghế máy tính nằm giữa ghế máy tính số 19 và 17, cúi người xuống rồi dùng tay phải để lấy chiếc điện thoại di động của anh **H1** và cho vào túi quần bỏ bên phải đang mặc, rồi rời khỏi quán Internet.

Sau khi trộm cắp được điện thoại, **T** đi bộ đến quán sửa chữa điện thoại của anh **Nguyễn Thế H2** ở **thôn Đ, xã H, huyện H** để bán; vì không biết chiếc điện thoại này là tài sản trộm cắp nên anh **H2** đã mua với giá 1.000.000 (một triệu) đồng; **T** dùng số tiền này tiêu xài cá nhân. Sau khi biết chiếc điện thoại mua của **T** là tài sản trộm cắp, anh **Nguyễn Thế H2** đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan CSĐT **Công an huyện H** để phục vụ quá trình giải quyết vụ án.

Lúc phát hiện bị mất điện thoại, anh **Lường Văn H1** đã kiểm tra camera giám sát trong phòng game của quán thì biết được **T** đã trộm chiếc điện thoại của mình, nên trình báo sự việc đến **Công an xã H**.

Khi được Cơ quan CSĐT **Công an huyện H** triệu tập làm việc, **T** đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 27/9/2023.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản **UBND huyện H** kết luận: Chiếc điện thoại mà Tuyên trộm cắp của anh **H1** ngày 27/9/2023 có trị giá 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Chiếc điện thoại này đã trả lại cho anh **H1** và anh **H1** không có yêu cầu gì thêm; anh **Nguyễn Thế H2** không yêu cầu **T** trả lại 1.000.000 (một triệu) đồng đã mua điện thoại của **T**.

Cáo trạng số 28/CT-VKSHH ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, đã truy tố bị cáo **Lê Văn T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện H, tỉnh Thanh Hóa** giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo **Lê Văn T** từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự do bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về hành vi, quyết định tố tụng** của Cơ quan điều tra và Điều tra viên **Công an huyện H**, Cơ quan Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân



dân huyện Hoàng Hóa, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về hành vi phạm tội:**

Lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Văn T** tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 27/9/2023 tại quán I ở thôn A, xã H, huyện H, **Lê Văn T** đã bí mật lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động có trị giá 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng của bị hại **Lường Văn H1**.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Lê Văn T** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái phép quyền sở hữu tài sản của người khác, đã cấu thành tội trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tội danh và khung hình phạt áp dụng cho bị cáo như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

## **[3] Về các căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:**

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội;

- Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự;

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cho bị cáo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là đủ, tạo điều kiện để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa, trở thành công dân tốt.

## **[4] Về hình phạt bổ sung:**

Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

## **[5] Về trách nhiệm dân sự:**

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

## **[6] Về vật chứng:**

Chiếc điện thoại di động là vật chứng vụ án đã được trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

**[7] Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ** vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

**Tuyên bố** bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt** bị cáo **Lê Văn T** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Lê Văn T** cho **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết công khai) bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại; người có qlnvql;
- UBND xã H, huyện H;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Bảo Yến**

